Tên: …….. **Nghe**: ……

Lớp: S2…

Ngày làm bài: Thứ…., ngày…./….

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 4: The big sky - Vocabulary 1 & Starters Listening

❖ **Extra vocabulary**

No	Word	Meaning	No	Word	Meaning
1	**grandma** (n)	bà nội/bà ngoại	2	**street** (n)	đường phố

**Note: n = noun: danh từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

❖ **Listening**

Con làm bài nghe với link: ***https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-1_test-3_part-02***

Part 2 – 5 questions

Read the questions. Listen and fill in the blanks with the given numbers/words.

There are two examples.

~~May~~	11
~~8~~	Tiger
3	Lucy
Sam	

Examples

- What's the girl's name? → May
- How old is she? → 8

Questions

1. What's the name of May's brother? ……
2. How old is May's brother? ……
3. How many teachers has May got? ……
4. What's the name of May's grandmother? ……
5. Where is May's house? in …… Street

LIVEWORKSHEETS

Tên: ……..

Lớp: S2…

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

.

Từ vựng & Ngữ pháp: ……

Nghe: ……

StarLink

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 4: The big sky - Vocabulary 1 & Starters Listening

A. VOCABULARY

❖ **Planets** *(Các hành tinh)*

the Moon (n) Mặt Trăng	**the Sun** (n) Mặt Trời	**Earth** (n) Trái Đất	**star** (n) ngôi sao	**planet** (n) hành tinh

❖ **Others** *(Khác)*

	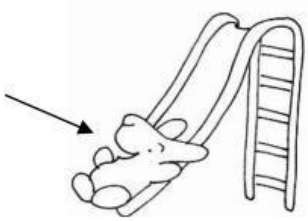	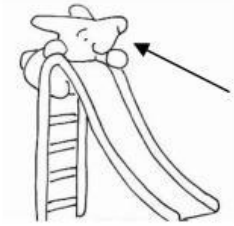
sky (n) bầu trời	**low** (adj) thấp	**high** (adj) cao
	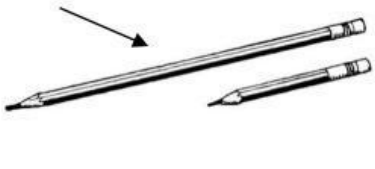	
shadow (n) bóng râm, hình bóng	**long** (adj) dài	**short** (adj) ngắn, thấp

❖ **Extra vocabulary**

No.	Words	Meanings	No.	Words	Meanings
1	**garden** (n)	khu vườn	2	**children** (n)	những đứa trẻ

**Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi.*

LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

Exercise 1. Tracing the given words. *(Tô theo các từ đã cho.)*

the Moon the Sun Earth

the Moon the Sun Earth

star star planet planet

sky low high

sky low high

shadow long short

shadow long short

Exercise 2. Circle the correct answers. *(Khoanh tròn vào đáp án đúng.)*

0.

a. sky

b. moon

1.

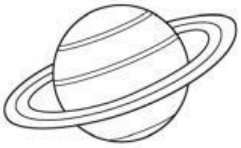

a. planet

b. shadow

2.

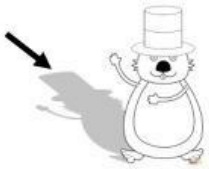

a. star

b. shadow

3.

a. tall

b. short

4.

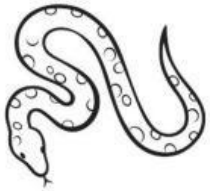

a. long

b. high

5.

a. sun

b. moon

LIVEWORKSHEETS

Exercise 3. Fill in the missing letters. *(Điền các chữ cái còn thiếu.)*

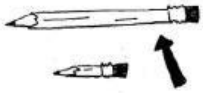

0. This pencil is very l o n g.

1. This is the **E** …… **r t** …….

2. This mountain is **h** …… …… **h.**

3. This is a **p l** …… **n** …… **t.**

4. My hair is **s h** …… …… **t.**

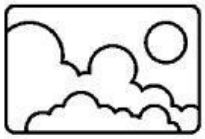

5. The **s** …… …… is blue.

Exercise 4. Circle the correct answers. *(Khoanh tròn đáp án đúng.)*

0. She is ***draw / drawing***

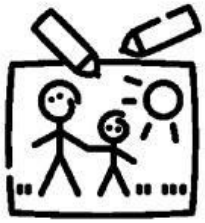

1. I am **reading / read.**

2. He **is not / are not** running.

3. She isn't **watching / watch** TV.

4. **Is / Are** you listening?

5. **Is / Are** they singing?

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe với link: *https://soundcloud.com/ms-chi-english/starters-2_test-1_part-02*

Part 2 – 5 questions

Read the questions. Listen and fill in the blanks with the given numbers/words.

There are two examples.

~~Kim~~	7	~~8~~	Red	Tony	14	Bath

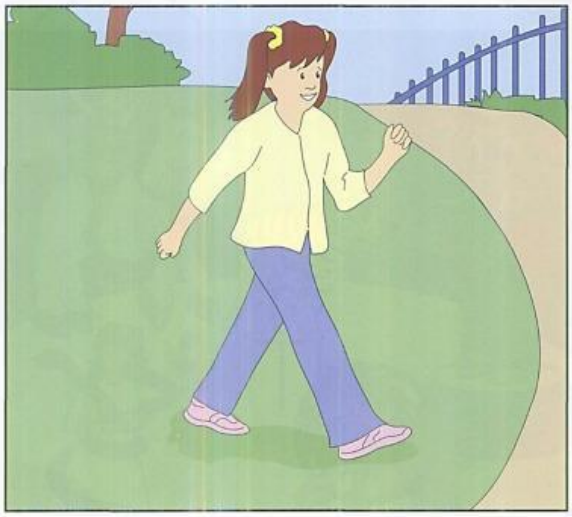

Examples

- What's the girl's name? → <u>Kim</u>
- How old is she? → <u>8</u>

Questions

1. What's the name of Kim's father? ……
2. Where does Kim live? in …… Street
3. How many trees are there in Kim's garden? ……
4. Which school does Kim go to? …… House School
5. How many children are in Kim's class? ……

LIVEWORKSHEETS